

Số: 0205/CV-KNĐL
V/v thư mời chào giá Hiệu chuẩn trang thiết bị
phòng thí nghiệm năm 2026

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 7 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Hiệu chuẩn trang thiết bị phòng thí nghiệm năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Hồ Thị Hoàn Quyên

- Chức vụ: Nhân viên phòng Hành chính – Kế hoạch tổng hợp

- Số điện thoại: 02623.840557

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá có thể nộp trực tiếp hoặc gửi về Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) qua đường bưu điện và gửi bản scan Báo giá + file mềm báo giá qua email: trungtamkiemnghiem.daklak75@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá đến 17 giờ 00 phút ngày 26 tháng 7 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục Hiệu chuẩn trang thiết bị phòng thí nghiệm năm 2026 (Phụ lục I đính kèm, Phụ lục II đính kèm).

Báo giá phải ghi rõ nội dung hiệu chuẩn như yêu cầu tại phụ lục.

Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định và đóng dấu của đơn vị chào giá. Trường hợp báo giá có nhiều trang, đề nghị đơn vị đóng dấu giáp lai các trang.

Giá chào trong Báo giá là đồng tiền Việt Nam (VND) đã bao gồm thuế, phí các loại, phí đi lại, vận chuyển hàng hóa đến tại 2 cơ sở của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk.

Các đơn vị có thể tải danh mục Hiệu chuẩn trang thiết bị phòng thí nghiệm năm 2026 đã được đăng tải trên website tại địa chỉ: <https://kndpmp.yte.daklak.gov.vn> hoặc hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ:

Dịch vụ được thực hiện tại 02 địa điểm:

- Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Trụ sở chính (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)
- Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Cơ sở 2 (Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).

3. Các thông tin khác:

Giấy phép kinh doanh pháp lý chứng minh công ty, cơ sở kinh doanh có đủ khả năng và năng lực đáp ứng theo yêu cầu của trung tâm.

Các nhà cung cấp liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo bảng phụ lục đính kèm. Để Trung tâm có thể lựa chọn những nhà cung cấp phù hợp phục vụ công tác chuyên môn, rất mong nhận được sự quan tâm của tất cả các đơn vị cung cấp và nhà sản xuất trên toàn quốc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Website TT;
- Lưu VT, TMS, HC-KHTH.

GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Lộc

PHỤ LỤC I

Kèm theo Thư mời chào giá số /CV-KNĐL ngày tháng 7 năm 2026
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Cơ sở 2 (Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).						
1	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA HVE-50	223/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
2	Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA HVE-85	224/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải tại nhiệt độ 115°C, 121°C và 134°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
3	Cân kỹ thuật EXCELL BH-300	204/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các mức cân: 5g; 10g; 20g - Tải trọng lệch tâm - Độ lặp lại - Độ Tuyến tính - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
4	Máy đếm khuẩn lạc tự động Interscience Scan [®] 300	208/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Độ lặp lại - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
5	Máy đo pH METTLER TOLEDO FP20	210/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra hiệu suất điện cực - Độ ổn định - Độ đúng nhiệt độ - Độ đúng thang đo pH (Giá trị pH: 4,01; 7,00; 9,25; 10,01) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
6	Máy đo vòng vô khuẩn IUL	211/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
7	Tủ ẩm SHELLAB GI2-2	227/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C , 35°C; 37°C; 41,5°C, 44°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
8	Tủ Ẩm MEMMERT INB 400	228/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C , 35°C; 37°C; 41,5°C, 44°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
9	Tủ Âm lạnh VELP FOC 120E	229/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 20°C; 22,5°C; 25°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
10	Tủ cấy vô trùng ESCO AVC-4A1	230/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiểu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
11	Tủ cấy vô trùng PHSC12	231/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
12	Tủ An Toàn Sinh Học Cấp II ESCO AC2-4E8–ĐLKS	232/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
13	Tủ An Toàn Sinh Học Cấp II ESCO AC2-4E8 – ĐNK	233/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Tính toán vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiêu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
14	Tủ sấy BINDER ED-115	234/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 105°C; 180°C - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 105°C; 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
15	Cân kỹ thuật OHAUS PR4202/E	202/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ổ các mức cân: 5g;10g;20g;50g - Tải trọng lệch tâm - Độ lặp lại - Độ Tuyến tính - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
16	Bể điều nhiệt Daihan Scientific WCB-22	201/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn - Ổ các nhiệt độ: 20,0°C; 40,0°C; 50,0°C; 72,5°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
17	Tủ ủ kỵ khí WCI-260	236/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 30° C; 35°C; 37°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
18	Máy đo nhiệt độ 12 kênh LUTRON BTM-4208SD	212/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 20°C; 25°C; 30°C; 35°C; 37°C; 41,5°C, 44°C. - Độ chính xác - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
19	Nhiệt Ẩm kế Anymetre	225/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra đồng hồ sai số của nhiệt độ; độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ, độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
20	Nhiệt Ẩm kế Anymetre	226/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra đồng hồ sai số của nhiệt độ; độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ, độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
21	MicroPipete Labopette 20 – 200µl	218/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 20µl, 50µl, 60µl, 100µl, 200µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
22	MicroPipete Glassco 100 - 1000 µl	219/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100µl, 200µl, 500µl, 1000µl. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
23	MicroPipete DragonLab 100 - 1000 µl	221/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100µl, 200µl, 500µl, 1000µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
24	MicroPipete witeg DE-M 1000- 5000 µl	222/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 1000µl, 2000µl, 5000µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
25	MicroPipete Phoen/X 1-10ml	220/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở thể tích 1ml, 2ml, 5ml, 10ml - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
26	Nhiệt kế thủy tinh -38°C đến 50°C	293/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 25°C, - 20°C, - 10°C, - 5°C, 0°C, 5°C, 7°C, 10°C, 15°C, 20°C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
27	Nhiệt kế thủy tinh -50°C đến 4°C	294/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: -35°C, -30°C, -25°C, -20°C, -10°C, - 5°C, 0°C, 2°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
28	Nhiệt kế thủy tinh -10°C đến 100°C	295/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 5°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 40°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
29	Nhiệt kế thủy tinh -20°C đến 110°C	296/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: -10°C, -5°C, 0°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 35°C, 37°C. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
30	Nhiệt kế thủy tinh -10°C đến 150°C	297/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 5°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 40°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
31	Nhiệt kế thủy tinh -38°C đến 50°C	298/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 25°C, - 20°C, - 10°C, - 5°C, 0°C, 5°C, 7°C, 10°C, 15°C, 20°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
32	Nhiệt kế thủy tinh 0°C đến 300°C	299/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: 0°C, 5°C, 7°C, 10°C, 15°C, 20°, 30°C, 35°C, 37°C, 40°C , 50°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
33	Nhiệt kế thủy tinh -20°C đến 50°C	300/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 15°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C, 35°C, 37°C, 41,5°C, 44°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
34	Nhiệt kế âm sâu -50°C đến +50°C	301/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: Ở nhiệt độ: - 20°C, -15°C, -10°C, -5°C, 5°C, 7°C, 10°C, 20°C, 25°C, 30°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
35	Hệ thống phòng sạch thí nghiệm Vi sinh	-	Hiệu chuẩn: - Đo dải kích thước bụi - Đo nhiệt độ, độ ẩm - Đo trao đổi không khí - Đo vi sinh vật trong không khí - Cường độ ánh sáng - Độ ồn - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2) Có phụ lục kèm theo

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
36	Máy sắc ký lỏng cao áp LC-2050C 3D	290/TSCM/KNĐL2	1. Hệ thống máy: Kiểm tra ROM, RAM; Kiểm tra phiên bản phần mềm điều khiển; Kiểm tra bộ khử khí. - Hệ thống bơm: Độ đúng của tốc độ dòng; Độ đúng của gradient; Độ ổn định áp suất; Giới hạn áp suất. 2. Bộ tiêm mẫu tự động: Độ đúng của thể tích tiêm; Độ lặp lại của thể tích tiêm; Tuyến tính của thể tích tiêm; carry over (Độ nhiễm chéo); Độ đúng nhiệt độ khay chứa mẫu. 3. Buồng cột: Độ ổn định nhiệt độ buồng cột; Độ đúng nhiệt độ buồng cột; Kiểm tra cảm biến rò rỉ hơi dung môi. 4. Đầu dò (UV-VIS, DAD): Độ đúng của bước sóng; Độ nhiễu; Độ trôi; Tính tuyến tính; Độ lặp lại của tín hiệu đo; Độ chính xác độ hấp thụ; Năng lượng đèn. (Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.)	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
37	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến BIO CHROM LIBRA S70PC	288/TSCM/KNĐL2	1. Kiểm tra bên ngoài; 2. Kiểm tra kỹ thuật: Kiểm tra cốc đo (▲ T%) 3. Kiểm tra đo lường: - KT Độ phẳng đường nền (Abs) - KT Độ ổn định (Abs sau 2 giờ) (kính chuẩn F2) - KT Độ đúng bước sóng (nm) (kính chuẩn F1), - KT Độ chính xác bước sóng (kính chuẩn F1), - KT Giới hạn ánh sáng lạc - KT Độ phân giải - KT Độ hấp thụ - Tính toán Độ không đảm bảo đo (Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc)	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
38	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến BIO CHROM - S32PC	286/TSCM/KNĐL2	- Kiểm tra bên ngoài: - Kiểm tra kỹ thuật: Kiểm tra cốc đo (▲ T%) - Kiểm tra đo lường: + KT độ phẳng đường nền (Abs) + KT độ ổn định (Abs sau 2 giờ) (kính chuẩn F2) + KT độ đúng bước sóng (nm) (kính chuẩn F1) + KT độ chính xác bước sóng (kính chuẩn F1) + KT giới hạn ánh sáng lạc + KT độ phân giải + KT độ hấp thu - Tính toán độ không đảm bảo đo (Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc)	Tháng 12	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
39	Máy quang phổ hồng ngoại (FTIR) IRAFFINITY-1S WL	287/TSCM/KNĐL2	1. KT Tỷ lệ năng lượng đầu dò 2. KT Đường nền 3. KT Tỷ lệ S/N 4. KT Độ phân giải 5. KT Độ chính xác số sóng 6. KT Độ lặp lại của số sóng (Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc)	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
40	Máy đo độ hòa tan ELECTROLAB TDT – 08L	277/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Độ cân bằng của thiết bị - Tính hướng tâm của từng cốc hòa tan - Độ sâu của giỏ quay hoặc cánh khuấy - Độ rung lắc của thiết bị, của trục cánh khuấy và của giỏ quay - Độ chính xác thời gian (30 phút, 45 phút, 60 phút, 120 phút) - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (370C) - Độ chính xác tần số giao động (Tốc độ quay 50, 75, 100 vòng/phút) - Kiểm tra hiệu năng bằng viên chuẩn (từng cốc) - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
41	Máy độ hòa tan DS-14000 WITH PISTON PUMP	278/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Độ cân bằng của thiết bị - Tính hướng tâm của từng cốc hòa tan - Độ sâu của giỏ quay hoặc cánh khuấy - Độ rung lắc của thiết bị, của trục cánh khuấy và của giỏ quay - Độ chính xác thời gian (30 phút, 45 phút, 60 phút, 120 phút) - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (37°C) - Độ chính xác tần số giao động (Tốc độ quay 50, 75, 100 vòng/phút) - Kiểm tra hiệu năng bằng viên chuẩn (từng cốc) - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
42	Máy chuẩn độ điện thế TITROLINE® 5000	272/TSCM/KNĐL2	1. KT Điện cực 2. KT Buret (ở mức thể tích: 20 %; 50 % và 100 %) 3. KT Độ chính xác 4. KT Tính tuyến tính 5. KT Độ đúng * Hiệu chuẩn cả 5 điện cực theo hướng dẫn của NSX: + Điện cực acid- base môi trường nước + Điện cực oxi hóa khử + Điện cực Bạc nitrat + Điện cực phức chất quang + Điện cực acid – base khan (Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc)	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
43	Máy chuẩn độ Karl Fischer MOIVO-A19	273/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn 1. Kiểm tra bên ngoài Kiểm tra bằng mắt để xác định sự phù hợp máy chuẩn độ Karl-Fischer đối với các yêu cầu quy định trong tài liệu kỹ thuật về hình dáng, kích thước, nhãn hiệu, cơ cấu niêm phong của máy, tài liệu và phụ tùng kèm theo. 2. Kiểm tra kỹ thuật Kiểm tra trạng thái hoạt động bình thường máy chuẩn độ Karl-Fischer theo hướng dẫn vận hành. 2.1 Kiểm tra đo lường - Kiểm tra điện cực - Buret - Độ chính xác - Độ đúng - Độ lặp lại - Độ tuyến tính - Hiệu suất thu hồi Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
44	Máy đo pH METTLER TOLEDO FP20	280/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng nhiệt độ - Độ đúng thang đo pH(4,00; 7,00; 9,21; 10,01) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
45	Cân phân tích AB 104 – S/FACT	264/TSCM/KNĐL2	1. Kiểm tra bên ngoài 2. Kiểm tra kỹ thuật 3. Kiểm tra đo lường: + KT Tải trọng lệch tâm; + KT Độ lặp lại; + KT Độ tuyến tính; + KT Độ hồi sai; + KT Độ đúng; (Tính độ không đảm bảo đo; Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc)	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
46	Cân phân tích AND GH 202	263/TSCM/KNĐL2	1. Kiểm tra bên ngoài 2. Kiểm tra kỹ thuật 3. Kiểm tra đo lường: + KT Tải trọng lệch tâm; + KT Độ lặp lại; + KT Độ tuyến tính; + KT Độ hồi sai; + KT Độ đúng; (Tính độ không đảm bảo đo; Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc)	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
47	Cân kỹ thuật OHAUS PR4202/E	262/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra đo lường (tải trọng lệch tâm, độ lặp lại, độ tuyến tính, độ hồi sai, độ đúng, độ không đảm bảo đo) - Các dải cân; 1g, 50g, 100g, 500g - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 12	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
48	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB120	265/TSCM/KNĐL2	* Ở các nhiệt độ: 60 °C; 85 °C; 105° C * Khối lượng cân: 0,1g; 0,5g; 1g; 2g; 5g; 10g; 50g; 100g; 150g - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 12	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
49	Máy thử độ tan rã PHARMATEST DIST 3	279/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Thời gian: 15, 30, 60 (phút) - Kiểm tra nhiệt độ môi trường trong bể điều nhiệt - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (37°C) - Biên độ giao động (độ dài của 1 nhịp) , tần suất giao động (chu kỳ/phút) - Hiệu chuẩn 3 giờ - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026		P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
50	Tủ sấy BINDER ED115	291/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: * Kiểm tra sự thay đổi nhiệt độ và tỷ lệ bay hơi. * Kiểm tra sự thay đổi trong khu vực làm việc. 70°C, 85°C, 105°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
51	Bể ổn nhiệt tuần hoàn DAIHAN SCIENTIFIC WCB-22	256/TSCM/KNĐL2	* Ở các nhiệt độ: 65°C, 80°C, 95°C - Độ đồng đều nhiệt - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
52	Máy đo điểm chảy M5000	274/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác của nhiệt độ các điểm chảy chuẩn (sử dụng chất chuẩn đối chiếu điểm chảy) - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
53	Bộ quả cân chuẩn F1 (1mg – 200g)	310/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Quả cân: 1g, 2g (2 quả), 5g, 10g, 20g (2 quả), 50g, 100g, 200g (2 quả) - Miếng: 1mg, 2mg (2 miếng), 5mg, 10mg, 20mg (2 miếng), 50mg, 100mg, 200mg (2 miếng), 500mg. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 12/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
54	Tủ sấy MEMMERT UNB 400	292/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 60°C; 70°C; 85°C; 105°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
55	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB45	266/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn nhiệt độ: Ở các nhiệt độ 60°C; 70°C; 85°C; 105°C Hiệu chuẩn trọng lượng: 1,000g ÷ 2,000g Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
56	Lò nung NABERTHERM L3/G6	270/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ 450°C, 500°C, 550°C, - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
57	Nhiệt - ẩm kế treo tường E915022	NAK.01/ĐD	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 20°C, 25°C, 27°C, 30°C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
58	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (-10°C đến 110°C)	NK.01/ĐD	- Ổ nhiệt độ: 2°C ÷ 7°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
59	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (-20°C đến 250°C)	NK.02/ĐD	Ổ nhiệt độ: 37°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
60	Nhiệt kế -10°C đến 110°C	NK.01/HL	Ổ nhiệt độ: 3°C, 5°C, 7°C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
61	Thước kẹp Đu xích Digital	TB.18/ĐD	- Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc - Giá trị chuẩn: 1mm-150mm	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
62	Bộ rây (khung và rây bằng thép không rỉ, cỡ mắt rây 2,00 mm)	CCDC00173	Hiệu chuẩn kích thước mắt rây	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
63	Bộ rây (khung và rây bằng thép không rỉ, cỡ mắt rây 4,00 mm)	CCDC00173	Hiệu chuẩn kích thước mắt rây	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
64	Máy đo pH Seven Compact S220	247/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng (thang đo nhiệt độ, thang đo pH) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Giá trị pH: 4,01; 7,00; 9,21; 10,00 Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
65	Cân sấy độ ẩm OHAUS MB120	242/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 60°C; 85°C; 105°C. - Khối lượng cân (g): 0,1; 0,5; 1; 2; 5; 10; 50, 100, 120. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
66	Lò nung DAIHAN FHX-12	244/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 450 ⁰ C; 550 ⁰ C, 800 ⁰ C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
67	Máy đo độ đục TURB 355IR	246/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Tại điểm: 0,02; 1; 10; 100; 1000 NTU. - Độ lặp ±1% của giá trị đọc hoặc 0,01 FNU. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
68	Cân kỹ thuật OHAUS PX3202	241/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Tải trọng lệch tâm - Độ đúng và độ lặp lại - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Các dải cân (g): 0,5g; 1g; 10g; 50g; 100g; 200g; 500g; 1000g; 2000g; 3200g. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
69	Máy sắc ký khí Shimadzu GC 2030	252/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: 1. Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra bằng mắt để xác định sự phù hợp của máy sắc ký khí (GC) đối với các yêu cầu quy định trong tài liệu kỹ thuật về hình dáng, kích thước, chỉ thị, ký nhãn hiệu, cơ cấu niêm phong của máy, tài liệu và phụ tùng kèm theo. 2 Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra trạng thái hoạt động bình thường của máy sắc ký khí (GC) theo hướng dẫn vận hành. 2.2 Kiểm tra đo lường 2.2.1 Hệ thống Inlet 2.2.1.1 Rò rỉ khí 2.2.1.2 Tốc độ dòng khí 2.3.2 Buồng tiêm mẫu (Inject) 2.3.2.1 Tiêm lỏng Độ chính xác tiêm lỏng 2.3.2.2 Headspace Độ chính xác Độ đúng nhiệt độ buồng ủ 2.3.3 Nhiệt độ buồng cột 2.3.3.1 Chương trình nhiệt độ 2.3.3.2 Độ ổn định nhiệt độ	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
70	Máy chưng cất đậm tụ động Velp UDK 159	245/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra độ chụm, độ đúng của Buret ở mức dung tích thường dùng bằng cân phân tích thích hợp. - Kiểm tra hiệu xuất thu hồi - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
71	Nhiệt kế thủy ngân (-10 đến 250°C)	305/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở nhiệt độ: 2°C, 4°C, 6°C, 8°C, 37°C, 105°C. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
72	Micropipette ISOLAP 1ml ÷ 10ml	306/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở thể tích: 1ml, 3ml, 5ml, 7ml, 10ml Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
73	Micropipette DLAP 0,5 ÷ 5ml	307/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở thể tích: 0,5ml, 1ml, 2ml, 3ml, 4ml, 5ml Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
74	Micropipette PHOENIX 20µl ÷ 200µl	308/TSCM/KNĐL2	Hiệu chuẩn: - Ở thể tích: 20µl, 50µl, 100µl, 200µl Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)
75	Micropipette PRO 100 µl ÷ 1000µl	309/TSCM/KNĐL2	- Ở thể tích: 100µl, 150µl, 300µl, 500µl, 1000µl, Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS (CS2)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
76	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	110/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 1°C, 5°C, 8°C, 20°C, 30°C, 40°C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. HC-KHTH (CS2)
77	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	111/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 1°C, 5°C, 8°C, 20°C, 30°C, 40°C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. HC-KHTH (CS2)
78	Nhiệt ẩm kế	NAK.01/HC	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 20°C, 25°C, 30°C, 35°C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2027	Thuê ngoài	P. HC-KHTH (CS2)
Thiết bị hiệu chuẩn tại: Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk – Trụ sở chính (Địa chỉ: 75 Lê Duẩn, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)						
79	Lò nung Nabertherm	06/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - 300°C, 450°C 500°C, 600°C, 900°C. - Kiểm tra độ lặp lại, ổn định của nhiệt độ - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
80	Tủ sấy Binder	13/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: * Kiểm tra sự thay đổi nhiệt độ và tỷ lệ bay hơi. * Kiểm tra sự thay đổi trong khu vực làm việc. 70°C, 85°C, 100 ± 1°C, 103 ± 1°C, 105°C, 150 ± 2°C, 130°C, 180°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL
81	Máy đo điểm nóng chảy	18/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác của nhiệt độ các điểm chảy chuẩn (sử dụng chất chuẩn đối chiếu điểm chảy) - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL
82	Đồng hồ đo nhiệt độ hiển số	30/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - 70°C, 85°C, 105°C, 130°C, 180°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
83	Máy đo độ hòa tan UDT	12/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Độ cân bằng của thiết bị - Tính hướng tâm của từng cốc hòa tan - Độ sâu của giỏ quay hoặc cánh khuấy - Độ rung lắc của thiết bị, của trục cánh khuấy và của giỏ quay - Độ chính xác thời gian (30 phút, 45 phút, 60 phút, 120 phút) - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (37°C) - Độ chính xác tần số giao động (Tốc độ quay 50, 75, 100 vòng/phút) - Kiểm tra bằng viên chuẩn (từng cốc) - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	HL-ĐD - DL
84	Nhiệt kế thủy ngân	NKTN.02/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ 37°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
85	Máy đo độ hòa tan Erweka	01/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Độ cân bằng của thiết bị - Tính hướng tâm của từng cốc hòa tan - Độ sâu của giỏ quay hoặc cánh khuấy - Độ rung lắc của thiết bị, của trục cánh khuấy và của giỏ quay - Tốc độ quay (50, 75, 100 vòng/ phút) - Độ chính xác thời gian (30 phút, 45 phút, 60 phút, 120 phút) - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (37°C) - Kiểm tra bằng viên chuẩn (từng cốc) - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Độ chính xác tần số giao động (Tốc độ quay 50, 75, 100 vòng/phút) - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL (Đang sửa chữa)
86	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	28/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 20°C, 25°C, 27°C, 30°C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
87	Máy thử độ tan rã 4 giờ	08/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Thời gian: 15, 30, 60 (phút) - Kiểm tra nhiệt độ môi trường trong bể điều nhiệt - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (370C) - Biên độ giao động (độ dài của 1 nhịp) , tần suất giao động (chu kỳ/phút) - Hiệu chuẩn 2 giờ - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	HL-ĐD - DL
88	Cân kỹ thuật Ohaus	31/TSCM/KNĐL	- Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra kỹ thuật Hiệu chuẩn: - Kiểm tra đo lường + Kiểm tra tải trọng lệch tâm + Kiểm tra độ lặp lại + Kiểm tra độ tuyến tính + Kiểm tra độ hồi sai + Kiểm tra độ đúng - Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
89	Máy ly tâm	02/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra bằng máy đo tốc độ, tốc độ vận hành được chỉ định - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL
90	Hệ thống sắc ký lỏng cao áp Shimadzu	07/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Hệ thống máy: Kiểm tra ROM, RAM, tình trạng chân không của Degasser, Phiên bản Firmware phần cứng - Hệ thống bơm: + Độ đúng của tốc độ dòng + Độ đúng, độ chính xác của gradient + Độ ổn định áp suất, giới hạn áp suất - Bộ tiêm mẫu tự động: độ lặp lại, độ đúng, độ chính xác, tuyến tính của thể tích tiêm, carry over - Buồng cột: độ ổn định nhiệt độ, độ chính xác nhiệt độ buồng cột, độ đúng nhiệt độ, kiểm tra cảm biến rò rỉ hơi dung môi - Đầu dò (UV-VIS, DAD): độ nhiễu, độ trôi, độ đúng bước sóng, độ chính xác bước sóng, năng lượng đèn, tính tuyến tính, độ lặp lại của tín hiệu đo, độ chính xác độ hấp thụ - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
91	Máy Karl-Fischer	16/TSCM/KNĐL	1. Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra bằng mắt để xác định sự phù hợp máy chuẩn độ Karl-Fischer đối với các yêu cầu quy định trong tài liệu kỹ thuật về hình dáng, kích thước, ký nhãn hiệu, cơ cấu niêm phong của máy, tài liệu và phụ tùng kèm theo. 2. Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra trạng thái hoạt động bình thường máy chuẩn độ Karl-Fischer theo hướng dẫn vận hành. Hiệu chuẩn: + Kiểm tra điện cực + Buret + Độ lặp lại của hệ thống + Độ đúng + Độ tuyến tính 3. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm đủ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
92	Máy đo pH/mV để bàn	35/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng (thang đo nhiệt độ , thang đo pH: 2.00, 4.01, 7.01, 9.21, 10.01) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
93	Máy đo độ tan rã Copley	21/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Thời gian: 15, 30, 60 (phút) - Kiểm tra nhiệt độ môi trường trong bể điều nhiệt - Nhiệt độ cài đặt môi trường trong cốc thử (370C) - Biên độ giao động (độ dài của 1 nhịp) , tần suất giao động (chu kỳ/phút) - Hiệu chuẩn 2 giờ - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
94	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	24/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ 2°C, 4°C, 6°C, 8°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
95	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	25/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 20°C, 25°C, 27°C, 30°C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL
96	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	26/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 20°C, 25°C, 27°C, 30°C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
97	Hệ thống sắc ký lỏng cao áp Agilent 1260	11/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Hệ thống máy: Kiểm tra ROM, RAM, tình trạng chân không của Degasser, Phiên bản Firmware phần cứng - Hệ thống bơm: + Độ đúng của tốc độ dòng + Độ đúng, độ chính xác của gradient + Độ ổn định áp suất, giới hạn áp suất - Bộ tiêm mẫu tự động: độ lặp lại, độ đúng, độ chính xác, tuyến tính của thể tích tiêm, carry over - Buồng cột: Độ ổn định nhiệt độ, độ chính xác nhiệt độ buồng cột, độ đúng nhiệt độ, kiểm tra cảm biến rò rỉ hơi dung môi - Đầu dò (UV-VIS, DAD): độ nhiễu, độ trôi, độ đúng bước sóng, độ chính xác bước sóng, năng lượng đèn, tính tuyến tính, độ lặp lại của tín hiệu đo, độ chính xác độ hấp thụ - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
98	Máy đo độ ẩm/nhiệt độ điện tử hiện số	23/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 20°C, 25°C, 27°C, 30°C - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
99	Máy chuẩn độ điện thế tự động	20/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: Hiệu chuẩn cả 5 điện cực theo hướng dẫn của nhà sản xuất + Điện cực acid- base môi trường nước + Điện cực oxi hóa khử + Điện cực Bạc nitrat + Điện cực phức chất quang + Điện cực acid – base khan Yêu cầu: + Buret + Độ lặp lại của hệ thống + Độ đúng + Độ chính xác + Độ tuyến tính - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL
100	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	27/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 20°C, 25°C, 27°C, 30°C, 37°C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 75% - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
101	Máy đo pH cầm tay	36/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng (thang đo pH: 2.00, 4.00, 7.01, 9.21, 10.01) - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
102	Cân phân tích 4/5 số lẻ Denver	09/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra đo lường (tải trọng lệch tâm, độ lặp lại, độ tuyến tính, độ hồi sai, độ đúng, độ không đảm bảo đo) - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
103	Cân phân tích 5 số lẻ Mettler Toledo	19/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra bên ngoài - Kiểm tra kỹ thuật - Kiểm tra đo lường (tải trọng lệch tâm, độ lặp lại, độ tuyến tính, độ hồi sai, độ đúng, độ không đảm bảo đo) - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
104	Rây inox (Cỡ mắt râu 4mm)	R.03/KNĐL	Hiệu chuẩn kích thước mắt râu	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
105	Rây inox (Cỡ mắt râu 3,15mm)	R.01/KNĐL	Hiệu chuẩn kích thước mắt râu	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
106	Rây inox (Cỡ mắt râu 1,4mm)	R.02/KNĐL	Hiệu chuẩn kích thước mắt râu	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
107	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV-VIS	113/TSCM/KNĐL	- Độ phẳng đường nền(Abs) - Độ ổn định (Abs sau 2 giờ) - Độ đúng bước sóng (nm) - Dải thông 1,0 - Độ chính xác bước sóng - Cốc đo - Giới hạn ánh sáng lạc (Abs) - Độ phân giải - Độ đúng độ hấp thu (Abs)	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL
108	Máy quang phổ hồng ngoại	114/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra tỉ lệ năng lượng đầu dò - Kiểm tra đường nền - Kiểm tra độ phân giải - Kiểm tra độ chính xác số sóng - Kiểm tra độ lặp lại của số sóng	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL-ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
109	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC	112/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Hệ thống bơm: + Độ đúng của tốc độ dòng + Độ đúng, độ chính xác của gradient + Độ ổn định áp suất, giới hạn áp suất - Bộ tiêm mẫu tự động: độ lặp lại, độ đúng, tuyến tính của thể tích tiêm, carry over, độ đúng nhiệt độ khay chứa mẫu - Buồng cột: độ ổn định nhiệt độ, độ chính xác nhiệt độ buồng cột, độ đúng nhiệt độ, kiểm tra cảm biến rò rỉ hơi dung môi - Đầu dò (DAD): độ nhiễu, độ trôi, độ đúng bước sóng, độ chính xác bước sóng, năng lượng đèn, tính tuyến tính, độ lặp lại của tín hiệu đo, độ chính xác độ hấp thụ - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. HL- ĐD - DL

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
110	Nồi hấp tiệt trùng dạng đứng TOMY	41/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Đánh giá các nhiệt độ: 115°C; 121°C. - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 115°C; 121°C. - Đánh giá sự phân bố nhiệt độ trong nồi (ở trạng thái không tải) - Đánh giá sự thâm nhập của nhiệt trong nồi hấp (ở mức 0% tải, 50% tải, 100% tải) tại nhiệt độ 115°C; 121°C - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học ở 121°C - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
111	Máy đo vòng kháng khuẩn	40/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Độ chính xác - Độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
112	Tủ ẩm Shellab	42/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn : - Ở các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C, 44°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
113	Cân phân tích 4/5 số lẻ	43/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Lượng cân tối đa 210g, d = 0,1mg - Kiểm tra tải trọng lệch tâm - Kiểm tra các mức tải - Kiểm tra độ trôi theo thời gian Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
114	Bể ổn nhiệt Julabo	45/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn - Ở các nhiệt độ: 20°C; 40°C; 50°C; 72,5°C - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
115	Cân kỹ thuật không lồng kính	46/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ các mức cân: 0,5g; 5g; 10g; 20g; 50g; 100g; 500g; 1000g; 2000g - Tải trọng lệch tâm - Độ lặp lại - Tuyên tính - Kiểm tra mức tải - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
116	Tủ sấy đối lưu có quạt	48/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 160°C; 180°C - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định nhiệt bên trong tủ - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 1600C; 1800C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	DL-VS Oven Contherm 8100 (Đang bị sự cố, nhiệt không lên được mức cài đặt 1600C; 1800C)

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
117	Tủ âm lạnh (Tủ âm mát)	50/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 20°C; 22,5°C; 25°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
118	Máy đo pH/mV để bàn	51/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn : - Kiểm tra hiệu suất điện cực - Độ ổn định - Độ đúng nhiệt độ - Độ đúng thang đo pH - (Giá trị pH: 4,01; 7,00; 9,18; 10,01) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
119	Tủ cấy sinh học cấp 2	52/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: Tất cả các thông số của tủ với: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiểu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
120	Tủ cấy an toàn sinh học cấp 2	54/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: Tất cả các thông số của tủ với: - Tính toàn vẹn của màng lọc - Hiệu suất của màng lọc - Tiểu phân không khí - Tốc độ gió - Bức xạ UV - Cường độ ánh sáng - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
121	Máy đo độ ẩm/nhiệt độ điện tử hiện số	57/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15°C; 18°C; 20°C; 25°C; 27°C; 40°C; 50°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
122	Máy đo nhiệt độ Extech	58/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: -20°C; 2°C; 5°C; 8°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
123	Máy đo nhiệt độ Extech	59/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: -20°C; 2°C; 5°C; 8°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
124	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	60/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C. - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
125	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	61/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C. - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
126	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	62/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C. - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
127	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	63/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
128	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	64/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 22,5°C; 25°C; 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C - Độ đồng đều nhiệt độ - Độ chính xác nhiệt độ - Độ ổn định nhiệt độ - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
129	Nồi hấp KT-30LD	66/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ 121°C ở mức 100 % tải - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 121°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
130	Tủ ẩm JSOI – 150T	67/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
131	Tủ ẩm JSOI – 150T	68/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
132	Tủ ẩm JSOI – 150T	69/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
133	Tủ ẩm JSIG – 150T	70/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
134	Tủ ẩm JSIG – 150T	71/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 41,5°C; 44°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
135	Tủ sấy MEMMERT	76/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ các nhiệt độ: 160°C; 180°C. - Độ đồng đều nhiệt bên trong tủ - Độ ổn định nhiệt bên trong tủ - Số hiệu chính nhiệt độ - Đánh giá khả năng tiết trùng bằng chỉ thị nhiệt - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Kiểm tra mức tải ở nhiệt độ 160°C; 180°C. Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
136	Nhiệt ẩm kế điện tử DYS	100/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15°C; 18°C; 20°C; 25°C; 27°C; 60°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
137	Tỷ trọng kế	103/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Thang đo: 1.000 – 1.300 g/cm ³ - Kiểm tra sai số - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
138	Tỷ trọng kế	104/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Thang đo: 1.000 – 1.300 g/cm ³ - Kiểm tra sai số - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
139	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	107/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15°C; 18°C; 20°C; 22,5°C; 25°C; 27°C; 72,5°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
140	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	106/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ: 15°C; 18°C; 20°C; 25°C; 27°C; 72,5°C. - Độ ẩm: 40%; 50%; 70%; 75% - Độ đồng đều nhiệt độ và độ ẩm - Độ chính xác nhiệt độ và độ ẩm - Độ ổn định nhiệt độ và độ ẩm - Số hiệu chính nhiệt độ và độ ẩm - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
141	Tủ ẩm JSOI – 150T	109/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 30°C; 32,5°C; 37°C; 60°C. - Độ đồng đều - Độ ổn định - Số hiệu chính nhiệt độ - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
142	Nồi hấp tiệt trùng STURDY SA-300 VF	TB.03/VS	Hiệu chuẩn: - Nhiệt độ 121°C ở mức 100 % tải - Đánh giá áp suất tại nhiệt độ 121°C - Đánh giá sự phân bố nhiệt trong nồi hấp (độ đồng đều nhiệt độ) - Đánh giá khả năng tiệt trùng bằng chỉ thị sinh học - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
143	Micro Pipete NICHIPET EX II 200	DCVS.02/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 20μl, 100μl, 200μl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
144	Micro Pipete RAININ PIPET – LITE XLS L-20ML	DCVS.03/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 2 ml, 10 ml, 20 ml - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
145	Micro Pipete BIOHT PROLINE 20-200 µl	DCVS.04/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 20µl, 100µl, 200µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
146	Micropipet 0,5-10 µl	DCVS.05/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở thể tích 10µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
147	Micropipet 0,5-10 µl	DCVS.06/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở thể tích 10 µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
148	Micropipet 100-1000 µl	DCVS.07/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100µl, 200µl, 300µl, 400µl, 500µl, 600µl, 700µl, 800µl, 900µl, 1000µl. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
149	Micropipet 100-1000 µl	DCVS.08/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100µl, 200µl, 300µl, 400µl, 500µl, 600µl, 700µl, 800µl, 900µl, 1000µl. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
150	Micropipet 2-10 ml	DCVS.09/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích: 2ml, 3ml, 4ml, 5ml, 6ml, 7ml, 8ml, 9ml, 10ml. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
151	Thước kẹp	DCVS.10/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ phạm vi đo khoảng từ 0mm đến 50mm - Kiểm tra vị trí “0” - Kiểm tra độ chính xác của các vạch chia trên thước - Độ chính xác - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
152	Micropipet 2-10 ml	DCVS.11/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ các thể tích: 2 ml, 3 ml, 4 ml, 5 ml, 6 ml, 7 ml, 8 ml, 9 ml, 10 ml. - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
153	Micro Pipete NICHIPET EX II 1000	DCVS.13/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ổ các thể tích 100 µl, 500 µl, 1000µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
154	Micro Pipete NICHIPET EX II 1000	DCVS.14/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các thể tích 100 µl, 500 µl, 1000µl - Kiểm tra độ chụm - Kiểm tra độ đúng - Tính toán Độ không đảm bảo đo Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
155	Máy đếm kích thước tiểu phân không khí	65/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Lưu lượng khí (Flow rate) - Zero count (kiểm tra nền không khí) - Độ chính xác kích thước các kênh đo - Độ nhạy và độ chính xác đo nồng độ - Thời gian lấy mẫu/giữ	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. DL-VS
156	Máy đo độ đục Hanna	91/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Tại điểm 1FNU, 15FNU, - Độ lặp $\pm 1\%$ của giá trị đọc hoặc 0,01 FNU Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
157	Máy đo Clo dư Hanna	95/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn tại điểm: 0,3 mg/L; 0,5 mg/L; 1mg/L Độ phân giải 0,01mg/L Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
158	Máy hấp thụ nguyên tử AAS (Shimadzu AA 7000)	89/TSCM/KNĐL	Độ lặp lại, giới hạn phát hiện, độ ổn định, độ chính xác bước sóng ngọn lửa, lò graphide, bộ hóa hơi HVG - F- AAS (Lửa trực tiếp): thực hiện thêm độ ổn định ngọn lửa - GF- AAS (lò, không có ASC): thực hiện thêm độ trôi, độ nhiễu - HVG: Thực hiện thêm lưu lượng bơm nhu động Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
159	Cồn kế	01/KNMPTP-KNĐL	Hiệu chuẩn - Thang đo trong khoảng 0-90 độ rượu - Nhiệt độ từ 0 - 40 ° C Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
160	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	97/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ 25°C, 30°C Độ ẩm 70%, 75% Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
161	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	98/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ 25°C, 30°C. Độ ẩm 70%, 75 % Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
162	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến GSP	99/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: Nhiệt độ 25°C, 30°C Độ ẩm 70%, 75 % Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
163	Máy đo độ dẫn điện Hanna	96/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn tại điểm 1µS/cm và 5 µS/cm Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
164	Máy đo pH/điện thế oxy hóa khử HI2002-02	102/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra điện cực - Kiểm tra độ ổn định - Kiểm tra độ đúng (thang đo nhiệt độ, thang đo pH) - Kiểm tra bù nhiệt - Độ chính xác - Giá trị pH: 4,01; 7,01; 9,18 Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
165	Micropipette	02/KNMPTP-KNĐL	Hiệu chuẩn tại điểm 20 µL, 50µL Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
166	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV – VIS Shimadzu	15/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Bộ phận điều nhiệt - Độ phẳng đường nền - Giới hạn ánh sáng lạc - Cốc đo ($\Delta T\%$) - Độ phân giải, độ nhiễu - Độ ổn định - Độ chính xác bước sóng - Độ chính xác hấp thụ - Tính tuyến tính - Độ lặp lại - Tình trạng đèn và tế bào quang điện Hiệu chuẩn điểm bước sóng như sau: 415 ± 1 nm, 410 ± 1 nm, 420 ± 1 nm, 510 ± 1 nm, 525 ± 1 nm, 539 ± 1 nm, 570 ± 1 nm, 575 ± 1 nm Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 10/2026	Thuê ngoài	P. KN MP-TP
167	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	101/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 10C, 50C, 80C, 200C, 300C, 400C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. HC-KHTH

TT	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
168	Nhiệt ẩm kế tự ghi cảm biến	108/TSCM/KNĐL	Hiệu chuẩn: - Ở các nhiệt độ: 1°C, 5°C, 8°C, 20°C, 30°C, 40°C. - Độ ẩm: 50%, 60%, 70%, 80%. - Cung cấp tem hiệu chuẩn, hồ sơ hiệu chuẩn phải kèm dữ liệu hiệu chuẩn gốc.	Tháng 11/2026	Thuê ngoài	P. HC-KHTH
Tổng cộng : 168 mặt hàng						

➤ **Ghi chú:**

- P. DL – VS: Phòng Dược Lý – Vi Sinh
- P. HL – ĐD – DL: Phòng Hóa Lý – Đông Dược – Dược liệu
- P. KN MP – TP: Phòng Kiểm Nghiệm Mỹ Phẩm – Thực Phẩm
- P. HC – KHTH: Phòng Hành chính – Kế hoạch tổng hợp.

PHỤ LỤC II
SỐ VỊ TRÍ ĐO CỦA HỆ THỐNG PHÒNG SẠCH THÍ NGHIỆM VI SINH

STT	Tên Phòng	Diện tích, m2	Cấp sạch	Màng lọc (dự kiến 1 lọc/phòng)	Vị trí hạt 0.5; 5 gm	Vị trí VSV	Vị trí ánh sáng (tối đa)	Nhiệt ẩm (Tối thiểu)	Độ ồn	Trao đổi khí	Chênh áp
1	Hành lang	27	C	0	0	0	0	0	0	1	1
2	Phòng Hấp bỏ	10.9	C	0	0	0	0	0	0	1	1
3	Phòng thay đồ lần 1	3.1	NA	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Phòng Nuôi chủng	10.8	C	0	0	0	0	1	1	1	1
5	Phòng DLKS	10.8	B	1	5	5	5	1	1	1	1
6	Phòng Nhiễm khuẩn mẫu TP	12	B	1	5	5	5	1	1	1	1
7	Phòng Nhiễm khuẩn mẫu Dược	10.8	B	1	5	5	5	1	1	1	1
8	Phòng Thay đồ 1	5.7	B	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Phòng Độ Vô trùng	4.1	B	1	5	5	5	1	1	1	1
10	Phòng Thay đồ 2	5.7	C	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Phòng Chuẩn bị MT	7.9	D	0	0	0	0	1	0	1	1
12	Phòng Thay đồ 3	4	NA	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG		112.8		4	20	20	20	6	6	8	8
Tài liệu tham khảo					ISO 14644-1	ISO 14644-1	NEBB (2009)	ISO 14644-3	ISO 14644-3	ISO 14644-3	ISO 14644-3